TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** TỈNH YÊN BÁI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 6- 2018

V/v ly hôn, con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:*** Bà Đỗ Thị Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Nguyễn Văn Thống;

Ông Trần Ngọc Thái.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhiễu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 16/TB-TA ngày 25 tháng 5 năm 2018, giữa:

*Nguyên đơn***:** Chị Lương Thị T M, sinh năm 1998, có mặt;

Bị đơn: Anh Bùi D H, sinh năm 1991; vắng mặt;

Các đương sự đều trú tại Tô 6, thị trấn Y, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 4 năm 2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lương Thị T M trình bày:

Tôi kết hôn với anh Bùi D H năm 2016, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái trên tinh thần tự nguyện của đôi bên. Sau khi tổ chức đám cưới, chúng tôi ở cùng bố mẹ chồng tại Tô 6,

thị trấn Y, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Vợ, chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do hai bên luôn bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Anh Bùi D H thường xuyên chơi bời, rượu chè không quan tâm đến vợ, dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng ngày càng trầm trọng, hai bên đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2018 và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ, chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Bùi D H.

Về con chung: Tôi và anh Bùi D H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi D H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Chị Lương Thị T M vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và Nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung Kiểm sát viên đề nghị*:* Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị T M về việc ly hôn anh Bùi D H, tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lương Thị T M có đơn đề nghị không hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Yên Bình đưa vụ án ra xét xử.

Anh Bùi D H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng

mặt anh Bùi D H là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của chị Lương Thị T M:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T M và anh Bùi D H có đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện của đôi bên nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị T M và anh Bùi D H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, động viên chị Lương Thị T M đoàn tụ gia đình với anh Bùi D H nhưng chị Lương Thị T M vẫn kiên quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn và thực tế đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị Lương Thị T M và anh Bùi D H đã trầm trọng, cuộc sống chung không có. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị T M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị Lương Thị T M xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị T M không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Chị Lương Thị T M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T M được ly hôn anh Bùi D H.

2. Về án phí: Chị Lương Thị T M phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lương Thị T M đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số AA/2013/05417 ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Chị Lương Thị T M đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Lương Thị T M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Bùi D H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh*
- *Các đương sự*
- *UBND thị trấn Yh*
- *VKS huyện YB*
- *Chi cục THADS huyệnYB*
- *Lưu HS, TA.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà